

Số 84-KH/TU

Điện Biên, ngày 26 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

**triển khai thực hiện Kết luận số 75-KL/TW, ngày 28/7/2026 của
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường
và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới**

Thực hiện Kết luận số 75-KL/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình hành động số 31-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 75-KL/TW, gắn với thực hiện Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030; tập trung giải quyết những vấn đề về môi trường, tài nguyên, thiên tai và biến đổi khí hậu đặt ra từ thực tiễn tỉnh miền núi, biên giới, địa hình chia cắt, bảo đảm phù hợp với điều kiện, mô hình phát triển của tỉnh Điện Biên trong thời kỳ mới, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Cụ thể hóa nhất quán các quan điểm mới của Trung ương thành yêu cầu xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở tỉnh; đặt con người, sức khỏe, tính mạng, sinh kế và chất lượng cuộc sống của Nhân dân ở vị trí trung tâm; chuyển mạnh từ ứng phó bị động sang chủ động phòng ngừa, cảnh báo sớm, từ quản lý hành chính sang quản trị dựa trên dữ liệu và mức độ rủi ro; tăng cường quản trị liên ngành, liên địa bàn; phát huy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Kiên quyết không đánh đổi môi trường, an toàn của Nhân dân và hệ sinh thái để lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần.

3. Xác định các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án quan trọng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo tinh thần “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; đồng thời xác định rõ cơ quan phối hợp và nguồn lực thực hiện. Tập trung nguồn lực cho nhiệm vụ cấp thiết, có tác động trực tiếp đến an toàn dân cư, chất lượng môi trường và năng lực chống chịu của tỉnh; không bố trí dàn trải, không hình thức, không để chồng chéo hoặc bỏ sót trách nhiệm. Kết quả thực hiện phải được lượng hóa bằng chỉ tiêu, sản phẩm và kết quả đầu ra cụ thể,

có dữ liệu kiểm chứng, có cơ chế theo dõi, đánh giá hằng năm.

4. Tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp đặc thù tỉnh miền núi, biên giới, địa hình chia cắt, dân cư phân tán, nguồn lực còn hạn chế; lấy phòng ngừa rủi ro, bảo đảm an toàn của Nhân dân và hiệu quả đầu tư làm nguyên tắc ưu tiên. Tập trung xử lý các vấn đề có tính chất liên ngành, liên địa bàn như lũ quét, sạt lở, sụt lún, thiếu nước, cháy rừng, chất thải rắn, suy giảm chất lượng nguồn nước; đồng thời biến tiềm năng về rừng, nông nghiệp, năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái và hợp tác biên giới thành dư địa cho tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và sinh kế bền vững.

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của hệ thống chính trị, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và Nhân dân

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Đảng; các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền quán triệt đầy đủ quan điểm bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu là một trụ cột của mô hình phát triển mới, phải được xem xét đồng thời với mục tiêu tăng trưởng, đầu tư, phát triển đô thị, nông nghiệp, du lịch và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Mọi quyết định phát triển có tác động đáng kể đến tài nguyên, môi trường, rừng, nguồn nước hoặc an toàn dân cư phải được đánh giá đầy đủ về sức chịu tải, rủi ro môi trường và rủi ro khí hậu ngay từ khâu chuẩn bị.

- Đề cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, nhất là người đứng đầu; đưa kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về môi trường, rừng, nguồn nước, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu vào nội dung kiểm tra, giám sát và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm. Địa bàn, lĩnh vực nào dễ phát sinh điểm nóng ô nhiễm, vi phạm kéo dài, chậm xử lý nguy cơ thiên tai đã được cảnh báo thì phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm và biện pháp khắc phục.

- Triển khai, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh, bảo đảm sự tham gia rộng rãi, thực chất, có trách nhiệm của cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, cơ quan báo chí, truyền thông và Nhân dân trong tham gia xây dựng, phản biện, góp ý hoàn thiện chủ trương, chính sách và giám sát việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phát huy vai trò của cộng đồng dân cư, già làng, trưởng bản, người có uy tín, lực lượng nòng cốt ở cơ sở trong tuyên truyền, vận động Nhân dân bảo vệ rừng, nguồn nước, cảnh quan và môi trường sống; xây dựng các mô hình cộng đồng tự

quản về bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy rừng, cảnh báo thiên tai, thu gom và phân loại chất thải. Chú trọng cách làm phù hợp với đặc điểm dân cư phân tán, vùng cao, biên giới và phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc.

- Triển khai thực chất, hiệu quả các phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, lan tỏa thực hành lối sống xanh, tiêu dùng xanh, bền vững trong cộng đồng; phát hiện, khuyến khích, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn xã hội về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Hoàn thiện thể chế, pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi; tăng cường kiểm tra, giám sát

- Chủ động phối hợp với các bộ, ngành trong công tác hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và pháp luật có liên quan; rà soát, cụ thể hóa kịp thời các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu phát triển của địa phương.

- Lồng ghép đầy đủ yêu cầu bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và trong toàn bộ vòng đời dự án đầu tư. Khi xem xét chủ trương đầu tư, lựa chọn địa điểm, công nghệ và quy mô dự án phải đánh giá khả năng chịu tải của môi trường, nguy cơ lũ quét, sạt lở, sụt lún, ngập úng, thiếu nước, cháy rừng và tác động đến rừng, nguồn nước, sinh kế của người dân; gắn chặt với định hướng phát triển hạ tầng, đô thị xanh, thông minh theo Nghị quyết số 20-NQ/TU.

- Đổi mới phương thức quản lý theo hướng quản trị dựa trên dữ liệu và rủi ro; kết hợp tiền kiểm có trọng tâm với hậu kiểm dựa trên mức độ tuân thủ, tập trung kiểm soát các nguồn có nguy cơ cao. Ưu tiên kiểm tra các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng; chăn nuôi tập trung, chế biến nông sản; cơ sở xử lý chất thải; hoạt động xây dựng, du lịch, dịch vụ và các khu vực tập trung đông dân cư; tăng cường giám sát sau cấp phép, sau phê duyệt, bảo đảm yêu cầu về môi trường được thực hiện thực chất trong quá trình vận hành.

- Rà soát, phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan cấp tỉnh và chính quyền cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đối với kiểm soát nguồn thải, thu gom chất thải, quản lý tài nguyên, phòng, chống thiên tai, bảo vệ rừng, nguồn nước và giải quyết sự cố môi trường; thực hiện nghiêm nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì. Phân cấp phải gắn với điều kiện bảo đảm thực hiện, cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình; không để khoảng trống quản lý hoặc dồn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan, địa phương.

- Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền; tăng cường hướng dẫn, đối thoại, đồng hành cùng doanh nghiệp nhằm nhận diện rủi ro, phòng ngừa, giảm thiểu sai sót, vi phạm và nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

- Cân đối, bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho sự nghiệp bảo vệ môi trường theo Kết luận số 75-KL/TW; đối với năm 2026, rà soát, chủ động cân đối trong điều hành ngân sách để ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cấp bách về bảo vệ môi trường. Việc phân bổ kinh phí phải gắn với nhiệm vụ, sản phẩm, kết quả đầu ra và mức độ rủi ro; ưu tiên các địa bàn khó khăn, vùng cao, biên giới, khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai và những nơi có vấn đề môi trường bức xúc.

- Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng hoàn thiện cơ chế, tiêu chí, định mức phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

- Phát huy vai trò dẫn dắt của ngân sách nhà nước; chủ động huy động các nguồn lực xã hội, tài chính xanh, đầu tư xanh, ODA, vốn vay ưu đãi và các nguồn lực hợp pháp khác. Chuẩn bị đầy đủ điều kiện về dữ liệu, phương pháp đo đạc, báo cáo, thẩm định và cơ chế chia sẻ lợi ích để nghiên cứu, từng bước tham gia thị trường carbon theo lộ trình của Trung ương; ưu tiên xây dựng dữ liệu nền, phương pháp đo đạc - báo cáo - thẩm định, xác lập quyền và cơ chế chia sẻ lợi ích đối với tín chỉ các-bon rừng.

- Phối hợp tham gia xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách thuận lợi, ưu đãi về tài chính, tín dụng, đất đai, khoa học, công nghệ cho các hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các chương trình, dự án xử lý các vấn đề môi trường cấp thiết, các điểm ô nhiễm, khu vực có nguy cơ cao về thiên tai, suy thoái tài nguyên và các hệ sinh thái. Kịp thời cụ thể hóa các quy chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương.

- Tập trung đầu tư hạ tầng kinh tế - kỹ thuật đa mục tiêu, tích hợp đồng thời yêu cầu bảo vệ môi trường, chuyển đổi xanh, tiết kiệm năng lượng, kinh tế tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; ưu tiên các công trình có tính liên vùng, liên xã, phục vụ nhiều mục tiêu và có khả năng chống chịu cao. Việc đầu tư hạ tầng đô thị, giao thông, cấp - thoát nước, xử lý chất thải phải đồng bộ với Nghị quyết số 20-NQ/TU, tránh phát sinh chi phí khắc phục môi trường về sau.

- Thực hiện đầu tư, kết hợp huy động xã hội hóa để nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo chất lượng môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan; ưu tiên nâng cao năng lực quan trắc,

cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, thiếu nước và ô nhiễm nguồn nước.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực theo thứ tự cấp thiết, trước hết cho an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân; xử lý điểm có nguy cơ rất cao về lũ quét, sạt lở, sụt lún; sắp xếp, bố trí dân cư an toàn; bảo đảm nước sinh hoạt; thu gom, xử lý chất thải; bảo vệ rừng, nguồn nước và hệ sinh thái; nâng cao năng lực cảnh báo, ứng cứu. Không phân bổ theo hướng dàn trải cho nhiều nhiệm vụ nhưng không tạo được sản phẩm hoặc chuyển biến rõ rệt.

4. Giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường; phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường

- Tập trung rà soát, xác định và xử lý dứt điểm theo thẩm quyền các vấn đề môi trường phát sinh; kiên quyết phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý nghiêm tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên. Trọng tâm là khai thác, vận chuyển, kinh doanh khoáng sản, cát, sỏi, lâm sản trái phép; chôn, lấp, đổ, đốt chất thải không đúng quy định; xả nước thải, khí thải gây ô nhiễm; các điểm tập kết rác, cơ sở chăn nuôi, chế biến nông sản, khu du lịch và khu vực dân cư có nguy cơ cao. Không để hình thành các điểm nóng ô nhiễm kéo dài, gây bức xúc trong Nhân dân.

- Bảo vệ an ninh, an toàn nguồn nước, nhất là nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất; kiểm soát chặt các nguồn thải vào sông, suối, hồ, trọng tâm lưu vực sông Nậm Rốm và các nguồn cấp nước quan trọng trên địa bàn tỉnh. Rà soát hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, nguy cơ suy giảm dòng chảy và ô nhiễm; có phương án dự phòng cấp nước cho khu vực thường xuyên hạn hán, thiếu nước hoặc có nguy cơ sự cố nguồn nước.

- Tổ chức thực hiện thực chất phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, gắn với thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý phù hợp; rà soát, sắp xếp mạng lưới điểm trung chuyển, cơ sở xử lý theo hướng liên xã, phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và đặc điểm địa hình, dân cư phân tán. Ưu tiên khu vực đô thị, khu dân cư tập trung, khu du lịch; đồng thời xây dựng mô hình thu gom phù hợp cho vùng nông thôn, vùng cao, biên giới. Từng bước giảm chôn lấp trực tiếp, xử lý hoặc đóng cửa, cải tạo các bãi rác, điểm tập kết không bảo đảm yêu cầu môi trường.

- Kiểm soát chặt chẽ theo thẩm quyền việc tiếp nhận, đầu tư, sử dụng công nghệ, thiết bị lạc hậu, tiêu hao nhiều tài nguyên, năng lượng, có nguy cơ gây ô nhiễm hoặc phát sinh chi phí xử lý môi trường lớn; ưu tiên công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, ít phát thải, phù hợp quy mô và khả năng vận hành của địa phương. Không thu hút đầu tư bằng mọi giá đối với dự án có nguy cơ cao về môi trường, ảnh hưởng đến rừng, nguồn nước, cảnh quan, di tích và sinh kế của Nhân dân.

- Tăng cường quan trắc, giám sát các nguồn thải có nguy cơ gây ô nhiễm; kết nối, khai thác dữ liệu quan trắc tự động, dữ liệu môi trường, tài nguyên và thiên tai

phục vụ cảnh báo sớm, chỉ đạo, điều hành. Từng bước công khai các thông tin môi trường thiết yếu theo quy định; xây dựng cơ chế giám sát theo thời gian thực đối với nguồn thải lớn và các khu vực rủi ro cao, bảo đảm dữ liệu thống nhất, có thể kiểm tra, đối chiếu và truy trách nhiệm.

5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và sử dụng hiệu quả tài nguyên

- Quản lý chặt chẽ các khu bảo tồn hiện có, ngăn chặn xu hướng suy giảm đa dạng sinh học, bảo đảm hài hoà giữa bảo tồn và phát triển, duy trì các chức năng sinh thái và khả năng chịu tải của môi trường.

- Nâng cao hiệu quả quản lý di sản thiên nhiên; thực hiện các giải pháp dựa vào tự nhiên, bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái quan trọng, nhạy cảm; phát triển các bể hấp thụ các-bon xanh; tiếp tục bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm và nguồn gen.

- Tăng cường quản lý, bảo vệ và phục hồi rừng, nhất là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, nguồn gen và các loài nguy cấp, quý, hiếm; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn phá rừng, khai thác lâm sản trái phép, cháy rừng và các hoạt động làm suy giảm đa dạng sinh học.

- Phát triển sinh kế bền vững, từng bước hình thành các mô hình làm giàu từ rừng gắn với bảo vệ, phục hồi và nâng cao chất lượng rừng; phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, nông - lâm kết hợp, kinh tế dưới tán rừng, dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái và nghiên cứu phát triển tín chỉ các-bon rừng khi đủ điều kiện. Bảo đảm người dân, cộng đồng và chủ rừng được tham gia, thụ hưởng hợp lý từ giá trị rừng; gắn bảo tồn với tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững tại vùng cao, biên giới. Việc phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng phải tuân thủ sức chịu tải của môi trường, bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học và bản sắc văn hóa, gắn với mục tiêu phát triển du lịch bền vững theo Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30/12/2025 của Tỉnh ủy.

- Lựa chọn, xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế, mô hình làm giàu từ rừng theo tiêu chí hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường; ưu tiên vùng cao, biên giới, địa bàn có tiềm năng rừng nhưng sinh kế của người dân còn khó khăn; gắn bảo vệ rừng với phát triển chuỗi giá trị dược liệu, lâm sản ngoài gỗ, sản phẩm OCOP và dịch vụ sinh thái phù hợp điều kiện từng địa bàn.

- Hiện đại hóa điều tra, theo dõi, quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên gắn với chuyển đổi số; lồng ghép giá trị thiên nhiên, sinh thái, đa dạng sinh học, phát triển hạ tầng xanh trong lập, thực hiện quy hoạch, dự án và hoạch định chính sách.

- Tăng cường quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và đất đai theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm không làm suy thoái môi trường, ảnh hưởng đến đời sống và sinh kế của Nhân dân; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác tài nguyên,

nhất là tại các khu vực nhạy cảm về môi trường, sinh thái.

6. Chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai, nâng cao mức độ an toàn của người dân và nền kinh tế

- Xây dựng, cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai và cơ sở dữ liệu các điểm có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất, sụt lún, ngập úng, hạn hán, thiếu nước, cháy rừng, xói lở bờ sông, suối; từng bước chi tiết đến khu dân cư, thôn, bản ở khu vực rủi ro cao. Dữ liệu phải được cập nhật định kỳ, tích hợp vào quy hoạch, kế hoạch đầu tư và hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh để phục vụ chỉ đạo, cảnh báo và bố trí nguồn lực.

- Rà soát, cập nhật thường xuyên danh sách các điểm, khu vực có nguy cơ rất cao; xác định rõ số hộ, công trình, tuyến giao thông, trường học, cơ sở y tế và hạ tầng thiết yếu bị đe dọa; xây dựng phương án phòng ngừa, cảnh báo, sơ tán, gia cố hoặc di dời theo thứ tự ưu tiên. Hạn chế bố trí mới khu dân cư, công trình công cộng quan trọng tại khu vực có rủi ro cao khi chưa có giải pháp bảo đảm an toàn được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, chấp thuận.

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu có khả năng chống chịu cao với thời tiết cực đoan; nâng cao năng lực dự báo khí tượng thủy văn và cảnh báo sớm. Hoàn thiện cơ chế truyền tin cảnh báo đa kênh đến chính quyền cơ sở và người dân, nhất là vùng cao, biên giới, khu vực thường xuyên xảy ra lũ quét, sạt lở; bảo đảm cảnh báo có địa chỉ, có phương án hành động và lực lượng tổ chức thực hiện tại chỗ.

- Rà soát, sắp xếp, di dời dân cư khỏi vùng rủi ro cao về lũ quét, sạt lở đất, sụt lún, xói lở; việc bố trí dân cư phải đồng bộ với đất ở, đất sản xuất hoặc giải pháp sinh kế, nước sinh hoạt, điện, giao thông, trường học, y tế và các dịch vụ thiết yếu, tránh tình trạng di dời nhưng sinh kế không bền vững. Lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị quyết số 24-NQ/TU, ưu tiên hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới và địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Xây dựng mô hình nông nghiệp thông minh giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao kỹ năng cộng đồng và năng lực ứng cứu, cứu hộ, cứu nạn; chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với điều kiện khí hậu, nguồn nước và điều kiện sinh thái của từng địa bàn.

- Cụ thể hoá các cơ chế, giải pháp công trình và phi công trình, kết hợp với các công cụ tài chính nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường quản lý, bảo vệ và điều hòa nguồn nước theo lưu vực; rà soát nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất, nông nghiệp và dịch vụ trong điều kiện khí hậu thay đổi. Ưu tiên giải pháp tích trữ, điều tiết, cấp nước an toàn, tiết kiệm; bảo đảm an

toàn hồ, đập và công trình thủy lợi; chủ động phương án cấp nước cho khu vực thường xuyên thiếu nước, không để thiếu nước sinh hoạt kéo dài trong mùa khô.

7. Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, tăng cường quản lý phát thải khí nhà kính

- Chuyển đổi các ngành kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp và hình thành các ngành kinh tế mới nhằm giảm áp lực đối với môi trường, phấn đấu thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

- Phát huy lợi thế về nông nghiệp, lâm nghiệp, rừng, năng lượng tái tạo và du lịch để chuyển đổi xanh gắn với nâng cao giá trị gia tăng. Ưu tiên phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi, tiết kiệm nước, sử dụng hiệu quả phụ phẩm; bảo vệ, phục hồi rừng gắn với dịch vụ môi trường rừng và chuẩn bị tham gia thị trường các-bon; phát triển du lịch xanh, du lịch sinh thái và sản phẩm địa phương theo hướng giảm phát thải, bảo vệ cảnh quan và tạo sinh kế bền vững.

- Thúc đẩy tuần hoàn vật liệu, sản phẩm trong toàn chuỗi giá trị; khuyến khích phát triển các mô hình tái sử dụng, tái chế, giảm chất thải phù hợp với quy mô, điều kiện sản xuất và thị trường của tỉnh.

- Phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả phù hợp quy hoạch, khả năng đầu nối và yêu cầu bảo vệ môi trường; kiểm soát chặt tác động đến đất, rừng, nguồn nước, cảnh quan, đa dạng sinh học và đời sống Nhân dân. Khuyến khích các giải pháp năng lượng phân tán, tiết kiệm năng lượng và công nghệ sạch phù hợp điều kiện vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Thực hiện chuyển đổi hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm theo hướng giảm phát thải, tuần hoàn và bền vững; phát triển các mô hình canh tác thông minh, thân thiện với môi trường đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc sản của tỉnh như mắc ca, cà phê, lúa gạo và các sản phẩm có lợi thế khác.

- Thúc đẩy nông nghiệp xanh, công nghiệp xanh, công trình xanh, giao thông xanh, đô thị xanh và du lịch xanh; cụ thể hóa các tiêu chí xanh trong chương trình phát triển hạ tầng và đô thị theo Nghị quyết số 20-NQ/TU, trong phát triển du lịch theo Nghị quyết số 12-NQ/TU. Khuyến khích mua sắm xanh, sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng, giảm nhựa dùng một lần; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và sinh kế trong quá trình chuyển đổi xanh.

- Tổ chức quản lý dữ liệu phát thải khí nhà kính trên địa bàn; hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở thuộc đối tượng phải kiểm kê khí nhà kính thực hiện kiểm kê, báo cáo và giảm nhẹ phát thải theo quy định; tiếp nhận, rà soát, tổng hợp kết quả kiểm kê của các cơ sở theo trách nhiệm của cấp tỉnh. Xây dựng dữ liệu nền phục vụ quản lý phát thải, bảo đảm yêu cầu đo đạc, báo cáo, thẩm định theo quy định và chuẩn bị điều kiện tham gia thị trường các-bon; ưu tiên các lĩnh vực có tiềm năng của tỉnh

như lâm nghiệp, nông nghiệp, năng lượng.

8. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực

- Ưu tiên tiếp nhận chuyển giao và ứng dụng công nghệ quan trắc, dự báo, cảnh báo; công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, giảm phát thải, tái chế, xử lý chất thải, thu hồi - tái sử dụng - lưu giữ các-bon; giống, kỹ thuật nuôi, trồng hiện đại, năng suất cao, phát thải thấp phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng tiếp nhận, ứng dụng của địa phương.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong phòng, chống thiên tai, bảo vệ rừng, quản lý tài nguyên nước, xử lý chất thải, sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về môi trường, tài nguyên, khí hậu và thiên tai thống nhất, đồng bộ, tích hợp, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia và nền tảng dữ liệu dùng chung của tỉnh theo nguyên tắc một nguồn dữ liệu dùng chung; xác định rõ cơ quan quản lý, đầu mối cập nhật, chuẩn dữ liệu, tần suất cập nhật và trách nhiệm kiểm chứng. Ưu tiên số hóa bản đồ rủi ro, nguồn thải, nguồn nước, rừng và cơ sở xử lý chất thải; bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, kịp thời, có khả năng kiểm tra, đối chiếu và phục vụ trực tiếp công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

- Ứng dụng có trọng tâm công nghệ viễn thám, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và tàu bay không người lái (UAV) trong khảo sát, giám sát, cập nhật hiện trạng rừng, nguồn nước, nguồn thải, khu vực có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất, cháy rừng, ngập úng và các khu vực bị chia cắt; ưu tiên các địa bàn rủi ro cao, khó tiếp cận. Dữ liệu thu thập phải được chuẩn hóa, tích hợp với cơ sở dữ liệu dùng chung, phục vụ dự báo, cảnh báo sớm và hỗ trợ chỉ đạo, điều hành.

- Nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng UAV phục vụ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; vận chuyển vật tư, thuốc, nước uống, lương thực và thiết bị cứu hộ đến khu vực bị cô lập, chia cắt do thiên tai trong phạm vi điều kiện kỹ thuật, quy định pháp luật cho phép và bảo đảm an toàn bay, quốc phòng, an ninh, hiệu quả đầu tư và khả năng vận hành thực tế của địa phương.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về môi trường, biến đổi khí hậu, nhất là ở cấp xã; đẩy mạnh liên kết viện - trường - doanh nghiệp, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng hiện đại, liên ngành, gắn với thực tiễn; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trực tiếp làm công tác môi trường, tài nguyên, phòng, chống thiên tai ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

9. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế

- Triển khai các hoạt động ngoại giao môi trường, khí hậu; huy động, tiếp cận,

phát huy hiệu quả các nguồn lực tài chính, chuyển giao công nghệ xanh, tiên tiến, nâng cao năng lực và hỗ trợ thực thi từ các đối tác phát triển.

- Tăng cường hợp tác với các địa phương của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và tỉnh Vân Nam, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có chung đường biên giới với tỉnh trong bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý nguồn nước, trao đổi thông tin cảnh báo thiên tai và phối hợp xử lý các vấn đề môi trường xuyên biên giới; phát huy các cơ chế hợp tác biên giới hiện có, thực hiện đúng chủ trương, quy định về đối ngoại, bảo đảm an ninh môi trường, an ninh nguồn nước và sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư khu vực biên giới.

- Phối hợp tham gia triển khai các giải pháp nâng cao năng lực dự báo, đánh giá tác động và chủ động ứng phó với các tiêu chuẩn, quy định, hàng rào kỹ thuật thương mại quốc tế về môi trường, khí hậu phù hợp với yêu cầu hội nhập và điều kiện thực tế của tỉnh.

- Thực hiện hiệu quả các cam kết, chương trình, dự án hợp tác về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, an ninh khí hậu, an ninh nguồn nước và an ninh năng lượng.

(Chi tiết nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo)

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Kết luận số 75-KL/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân; cụ thể hóa các nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy *(qua Văn phòng Tỉnh ủy)*.

2. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh để cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này thành chương trình, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể; bảo đảm nguồn lực thực hiện; lồng ghép, tích hợp các yêu cầu về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chủ động rà soát, phân định trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị và chính quyền cấp xã; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chủ trì theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện, định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, tham mưu báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, chỉ đạo.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, tham gia xây dựng chính sách, pháp luật, phát huy vai trò giám sát và phản biện

xã hội; xây dựng và triển khai các phong trào chung tay bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, lan toả các hoạt động thực hành sống xanh, tiêu dùng bền vững trong cộng đồng. Định kỳ báo cáo kết quả hoặc khi có yêu cầu về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy).

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn việc quán triệt, tuyên truyền thực hiện Kết luận số 75-KL/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; định hướng công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân. Theo dõi, tổng hợp tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trong quá trình triển khai thực hiện; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo những vấn đề phát sinh.

5. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Kết luận số 75-KL/TW và Kế hoạch này. Hướng dẫn Ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền. Chủ trì hoặc phối hợp kiểm tra khi có yêu cầu; theo dõi, tổng hợp tình hình, kịp thời tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, chỉ đạo xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

6. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy các nội dung theo yêu cầu.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc những vấn đề vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) để xem xét, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc tỉnh;
- Các ban, sở, ngành tỉnh;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Trần Tiến Dũng

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
 (Kèm theo Kế hoạch số 84-KH/TU, ngày 26/8/2026 của
 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
1	Tỷ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm	Tối thiểu 2%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính)
2	Tỷ lệ nguồn nước thải, khí thải lớn thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đã lắp đặt, vận hành và truyền dữ liệu theo quy định	100%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
3	Tỷ lệ cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	100%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Công Thương)
4	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý	Từ 60% trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường)
5	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	96,5%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn được thu gom, xử lý	phần đầu đạt 85%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
7	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom	Dưới 30%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
8	Tỷ lệ che phủ rừng	47%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
9	Tỷ lệ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn	70%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường)
10	Tỷ lệ các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời theo quy định đến nơi an toàn	80%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
11	Tỷ trọng kinh tế xanh trong GRDP	Phần đầu 10%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Tài chính)
12	Tỷ lệ nước thải từ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động, có phát sinh nước thải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường	100%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
13	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	100%; trong đó nước sạch 83%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
14	Mức giảm tiêu hao năng lượng tính trên GRDP bình quân hằng năm	1 - 1,5%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Công Thương)
15	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	100%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
16	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	100%	Đảng ủy UBND tỉnh (Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN QUAN TRỌNG
GIẢI ĐOÀN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Kế hoạch số 84-KH/TU, ngày 26/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên)

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
I	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của các đoàn thể, nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp					
1.	Tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó biến đổi khí hậu	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Các cơ quan, tổ chức đoàn thể, xã, phường	Năm 2026 và Thường xuyên	Các hội nghị tuyên truyền	Ngân sách nhà nước
2.	Tổ chức phát động, kêu gọi, vận động toàn dân chung tay bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	Thường xuyên	Các hoạt động/phong trào	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
3.	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền chính sách pháp luật và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu	Đảng ủy UBND tỉnh	Cơ quan báo chí, truyền thông tỉnh	Thường xuyên	Các hoạt động tuyên truyền	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
II	Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật					
4.	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế các cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn và quản lý tài nguyên	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy HDND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; các sở, ngành; UBND cấp xã	2026 - 2027; tiếp tục cập nhật, hoàn thiện khi có quy định mới	Báo cáo rà soát; văn bản, chính sách	Ngân sách nhà nước
5.	Xây dựng, hoàn thiện đơn giá, giá dịch vụ thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường theo thẩm quyền quy định pháp luật, phù hợp với thực tiễn ở địa phương	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; các sở, ngành; UBND cấp xã	2026 - Quý I/2027; rà soát, điều chỉnh hằng năm	Đơn giá; giá dịch vụ; giá tối đa dịch vụ	Ngân sách nhà nước

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/ Sản phẩm	Nguồn lực
6.	Lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường, giới hạn sinh thái, khả năng chịu tải, đa dạng sinh học, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu trong Quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, nông thôn, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và dự án đầu tư; rà soát tiêu chí sàng lọc rủi ro môi trường, khí hậu đối với dự án	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Nội dung lồng ghép; tiêu chí sàng lọc; báo cáo rà soát	Ngân sách nhà nước
III	Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực					
7.	Xây dựng phương án bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm từ năm 2027 cho sự nghiệp bảo vệ môi trường; gắn phân bổ với nhiệm vụ, sản phẩm, kết quả đầu ra và mức độ rủi ro	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ngành; UBND cấp xã	Hằng năm	Dự toán; phương án phân bổ; báo cáo	Ngân sách nhà nước
8.	Huy động nguồn lực xã hội, tài chính xanh, vốn quốc tế và nguồn lực hợp pháp khác cho xử lý ô nhiễm, quan trắc, phòng, chống thiên tai, bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng; chuẩn bị dữ liệu nền, phương pháp đo đạc - báo cáo - thẩm định, cơ chế xác lập quyền và chia sẻ lợi ích để nghiên cứu phát triển tín chỉ các-bon rừng và tham gia thị trường các-bon khi đủ điều kiện theo lộ trình của Trung ương	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Công Thương; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026 - 2030	Danh mục dự án ưu tiên; hồ sơ huy động nguồn lực; dữ liệu nền và phương án phát triển tín chỉ các-bon rừng/tham gia thị trường khi đủ điều kiện	Ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
9.	Rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên các chương trình, dự án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; tập trung xử lý nhiệm vụ cấp bách, có sản phẩm rõ, không bỏ trí dãn trải	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026; cập nhật hằng năm	Danh mục ưu tiên; dự án, nhiệm vụ; tiến độ và kết quả đầu ra	Ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác
IV	Giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường; phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường					
10.	Xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Công an tỉnh; UBND cấp xã;	Quý I/2027; đánh giá hằng năm	Kế hoạch	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
11.	Nghiên cứu triển khai các dự án, nhiệm vụ giải quyết những điểm nóng, bức xúc về ô nhiễm môi trường (nếu có)	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính, Công an tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã;	2026 - 2030	Các nhiệm vụ, dự án	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
12.	Tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh; cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Kế hoạch, báo cáo	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
13.	Tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn gắn với thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý; hướng dẫn mô hình phù hợp cho đô thị, nông thôn, vùng cao, biên giới	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hoàn thành xây dựng, lựa chọn mô hình phù hợp trong năm 2027; triển khai, nhân rộng từ năm 2028	Các nhiệm vụ, dự án	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
14.	Rà soát, sắp xếp mạng lưới trung chuyển, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải theo hướng liên xã; xử lý, cải tạo hoặc đóng cửa bãi rác, điểm tập kết không bảo đảm yêu cầu môi trường	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hoàn thành rà soát, lập phương án mạng lưới trong năm 2027; ưu tiên xử lý các bãi rác, điểm tập kết không bảo đảm yêu cầu trong giai đoạn 2027-2028;	Phương án mạng lưới; danh mục dự án; cơ sở/điểm xử lý được cải tạo	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
V	Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và sử dụng hiệu quả tài nguyên					
15.	Quản lý, bảo vệ khu bảo tồn và rừng hiện có; phục hồi rừng tự nhiên, hệ sinh thái và bể hấp thụ các-bon; bảo vệ loài nguy cấp, quý, hiếm và nguồn gen; xây dựng dữ liệu nền phục vụ phát triển tín chỉ các-bon rừng	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã; cơ quan liên quan	2026 - 2030	Kế hoạch; báo cáo; diện tích phục hồi; dữ liệu nền các-bon rừng	Ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác
VI	Thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai					
16.	Rà soát, lập bản đồ và danh mục khu dân cư có nguy cơ rất cao về lũ quét, sạt lở, sụt lún; xây dựng, triển khai phương án sắp xếp, di dời dân cư gắn với sinh kế và hạ tầng thiết yếu; từng bước nghiên cứu ứng dụng UAV có camera quang học, camera ảnh nhiệt và thiết bị định vị, truyền dữ liệu cho phù hợp điều kiện của tỉnh để khảo sát, cập nhật hiện trạng tại các khu vực có nguy cơ cao, hỗ trợ kiểm tra, xác định điểm rủi ro và phục vụ cập nhật bản đồ số trên địa bàn	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Sở Xây dựng; Sở Tài chính; UBND cấp xã; các cơ quan, tổ chức có liên quan	Trong năm 2027	Bản đồ rủi ro; danh mục điểm dân cư; phương án/dự án di dời	Ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
17.	Xây dựng, nhân rộng mô hình nông nghiệp thông minh, giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã; doanh nghiệp, hợp tác xã	Hoàn thành lựa chọn, xây dựng một số mô hình thí điểm trong năm 2027; đánh giá, nhân rộng từ năm 2028 đến năm 2030	Mô hình; dự án; quy trình kỹ thuật	Ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác
18.	Phát triển hạ tầng, đô thị và công trình có khả năng chống chịu cao với thiên tai, biến đổi khí hậu; hoàn thiện thoát nước, xử lý ngập úng; cụ thể hóa tiêu chí đô thị xanh, thông minh theo Nghị quyết số 20-NQ/TU	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính, Sở Xây dựng; UBND cấp xã	Hoàn thành rà soát, ban hành bộ tiêu chí/giải pháp và xác định danh mục ưu tiên trong năm 2027; triển khai thí điểm trong năm 2028; từng bước nhân rộng đến năm 2030	Tiêu chí/giải pháp; đề án, dự án; công trình	Ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác
VII	Thúc đẩy chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải khí nhà kính					
19.	Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn và ngành công nghiệp mới nổi.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, tổ chức có liên quan	2026 - 2030	Chương trình	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
20.	Quản lý dữ liệu phát thải khí nhà kính trên địa bàn; hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở thuộc danh mục phải kiểm kê khí nhà kính thực hiện kiểm kê, báo cáo theo quy định; tiếp nhận, rà soát, tổng hợp kết quả kiểm kê của các cơ sở	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; cơ sở thuộc diện kiểm kê	Theo kỳ kiểm kê và thời hạn do pháp luật quy định; cập nhật dữ liệu thường xuyên	Danh mục cơ sở; báo cáo tổng hợp; bộ dữ liệu phát thải khí nhà kính trên địa bàn	Ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
21.	Triển khai Chương trình phát triển ngành công nghiệp môi trường giai đoạn 2025 - 2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã; các cơ quan, tổ chức có liên quan	Hoàn thành xây dựng Chương trình trong Quý I/2027; triển khai từ năm 2027 và đánh giá, nhân rộng đến năm 2030	Các đề án, nhiệm vụ	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
22.	Tham gia chương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải trong lĩnh vực giao thông vận tải	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã; các cơ quan, tổ chức có liên quan	Năm 2027: rà soát hiện trạng, xây dựng kế hoạch và danh mục giải pháp, dự án ưu tiên; giai đoạn 2028 - 2030: tổ chức triển khai, đánh giá kết quả	Kế hoạch, đề án, nhiệm vụ	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác
VIII	Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực					
23.	Xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu môi trường và biến đổi khí hậu cấp tỉnh; tích hợp bản đồ rủi ro thiên tai, nguồn thải, nguồn nước, rừng, cơ sở xử lý chất thải; xác lập số liệu gốc, phương pháp tính và đầu mối cập nhật đối với các chỉ tiêu của Kế hoạch; liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia và nền tảng dữ liệu dùng chung của tỉnh; tích hợp phù hợp dữ liệu hình ảnh, dữ liệu không gian, dữ liệu quan trắc và dữ liệu thu thập từ UAV phục vụ giám sát, cảnh báo, chỉ đạo, điều hành	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ngành, UBND cấp xã	Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu trong năm 2027; hoàn thành kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu chủ yếu trong năm 2028; cập nhật, hoàn thiện và vận hành thường xuyên các năm tiếp theo	Cơ sở dữ liệu; bản đồ số; bộ chỉ số và số liệu gốc; hệ thống theo dõi số phục vụ chỉ đạo, điều hành	Ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
24.	Nghiên cứu, ứng dụng hệ thống tàu bay không người lái (UAV) phục vụ quan trắc, giám sát, cảnh báo và phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, viện, trường có liên quan	2027-2028	Đề án/mô hình ứng dụng UAV; hệ thống UAV phục vụ giám sát, cảnh báo và cứu hộ, cứu nạn; quy trình vận hành, khai thác; tổ chức thử nghiệm, diễn tập.	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
IX	Hợp tác và hội nhập quốc tế					
25.	Theo dõi, dự báo, hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn, quy định quốc tế về môi trường, ứng phó khí hậu	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Ngoại vụ;	2026 - 2030	Báo cáo; tài liệu hướng dẫn; hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp	Ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác
26.	Thúc đẩy hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ xanh, đào tạo nhân lực và hỗ trợ kỹ thuật; tăng cường trao đổi, phối hợp về bảo vệ rừng, nguồn nước, cảnh báo thiên tai và môi trường xuyên biên giới với các địa phương của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và tỉnh Vân Nam, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa theo các cơ chế, thẩm quyền hiện hành	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Ngoại vụ; các sở, ngành	2026 - 2030	Thỏa thuận/chương trình hợp tác; dự án; cơ chế trao đổi thông tin; nguồn lực huy động	Ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác
X	NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÙ HỢP ĐẶC THÙ TỈNH ĐIỆN BIÊN					
27.	Hoàn thành rà soát, số hóa bản đồ phân vùng rủi ro lũ quét, sạt lở, sụt lún và xói lở đến khu dân cư, thôn, bản tại khu vực rủi ro cao; xây dựng danh mục điểm cần xử lý, gia cố, di dời theo thứ tự ưu tiên	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; UBND cấp xã	Hoàn thành cơ bản năm 2027, cập nhật hàng năm	Bản đồ số; cơ sở dữ liệu; danh mục điểm rủi ro và thứ tự ưu tiên	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Kết quả/Sản phẩm	Nguồn lực
28.	Xây dựng và triển khai Kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn nguồn nước của tỉnh, trọng tâm lưu vực sông Nậm Rốm và các nguồn cấp nước sinh hoạt quan trọng; kiểm soát nguồn thải, vùng bảo hộ vệ sinh và phương án cấp nước dự phòng	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng; Sở Y tế; UBND cấp xã; đơn vị cấp nước	2026 - 2028, cập nhật định kỳ	Kế hoạch; bản đồ nguồn nước; danh mục nguồn thải/rủi ro; phương án cấp nước dự phòng	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
29.	Xây dựng chương trình phục hồi, phát triển và nâng cao chất lượng rừng gắn với phát triển kinh tế lâm nghiệp, sinh kế và làm giàu từ rừng; xây dựng dữ liệu nền, nghiên cứu phương án phát triển tín chỉ các-bon rừng và tham gia thị trường khi đủ điều kiện; bảo đảm cơ chế xác lập quyền, chia sẻ lợi ích minh bạch, gắn với lợi ích của cộng đồng và chủ rừng	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã; chủ rừng, cộng đồng, doanh nghiệp	2026 - 2030	Chương trình/dự án; mô hình làm giàu từ rừng; dữ liệu nền; phương án phát triển tín chỉ các-bon rừng	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
30.	Xây dựng mô hình du lịch xanh tại khu, điểm du lịch trọng điểm: quản lý chất thải, giảm nhựa dùng một lần, tiết kiệm nước - năng lượng, bảo vệ cảnh quan và đa dạng sinh học; gắn với Nghị quyết số 12-NQ/TU	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; UBND cấp xã; doanh nghiệp du lịch	Hoàn thành bộ tiêu chí chậm nhất Quý II/2027; triển khai thí điểm ít nhất một số mô hình trong năm 2027-2028	Bộ tiêu chí/hướng dẫn; mô hình du lịch xanh; báo cáo nhân rộng	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác